

SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF CHAM ETHNIC GROUP IN VIETNAM

Pham Xuan Thu^a
Phu Van Han^b, Nguyễn Duy Dũng^c

^a College of Foreign Economic Relations (VSR)

Email: phamxuanthu@gmail.com

^b Southern Institute of Social Sciences

Email: phuvanhan@gmail.com

^c Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: dungnd@hvd.edu.vn

Received: 27/7/2023; Reviewed: 14/8/2023; Revised: 16/8/2023; Accepted: 25/8/2023; Released: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/necd/200>

This article conducts research on the socio-economic development of the Cham ethnic group in Vietnam with a survey of the life and socio-economic development of the Cham ethnic group in 2019 and compared with their socio-economic life 10 years ago. The analysis and evaluation were made from the results of direct interviews with 2,800 samples of Cham ethnic group living in 7 provinces of Vietnam, with development evaluation criteria such as Economy, Education and training, health care services, infrastructure and local government support in socio-economic development of the Cham ethnic group in Vietnam in 2019 compared to 10 years ago year (2008). According to the analysis and evaluation results, the current economic situation of the Cham ethnic group in Vietnam is still difficult (according to each criterion), however, compared to 10 years ago, there is the socio-economic development of the Cham ethnic group. Through actual observations, along with summarizing socio-economic development for resident communities, the author also suggests some proposals for socio-economic development for the Cham ethnic group living in Vietnam in the coming time.

Keywords: Cham ethnic group; Socio-economic; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam trong vòng một thập kỷ trở lại đây đã có những bước phát triển khá tốt và đã đạt đến vị thế quốc gia có thu nhập trung bình thấp hơn, nhưng khoảng cách kinh tế - xã hội (KT-XH) giữa các dân tộc thiểu số (DTTS) và nhóm đa số hiện đang tăng lên rõ rệt. Ngoài ra, các nhóm DTTS khác nhau ở Việt Nam có khoảng cách vị trí khác nhau giữa các dân tộc. Việc phát triển kinh tế sẽ thúc đẩy quá trình phát triển của đời sống xã hội và đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Thực tế, đời văn hóa - xã hội của một cộng đồng trong mối liên hệ với các hệ thống KT-XH đang vận hành, được đặc trưng bởi sự đa dạng, bao hàm tất cả các tất cả các mức độ từ thấp đến cao trong hệ thống các mối liên hệ xã hội và được thể hiện các giá trị đạt được trong đời sống kinh tế. Do đó, sự phát triển về kinh tế kéo theo và gắn liền với thay đổi xã hội. Bài viết này chỉ tập trung vào phân tích và đánh giá sự phát triển KT-XH của người Chăm sinh sống tại Việt Nam thông qua việc phân tích và đánh giá kết quả phỏng vấn trực tiếp 2800 người Chăm sinh sống tại 7 tỉnh của Việt Nam với các tiêu chí đánh giá về sự phát triển KT-XH trong đời sống của họ nhằm giải đáp các

câu hỏi: (i.) Thực trạng về đời sống KT-XH của người Chăm sinh sống tại Việt Nam hiện nay; (ii.) Sự phát triển về KT-XH của người Chăm so với cách đây 10 năm; (iii.) Có những thay đổi cần thiết nào để giúp phát triển KT-XH của người Chăm sinh sống tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Phát triển KT-XH, giống như định nghĩa về phát triển được thông qua ở đây, nhấn mạnh sự tiến bộ về các yếu tố kinh tế và xã hội trong một đơn vị địa lý. Phát triển kinh tế là quá trình nâng cao mức độ thịnh vượng thông qua việc tăng cường sản xuất, phân phối và tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ. Mặt khác, phát triển xã hội đề cập đến sự phức tạp của các động lực xã hội (sự tác động lẫn nhau của các cấu trúc xã hội, các quá trình và các mối quan hệ) và tập trung vào (1) các mối quan tâm xã hội của người dân như là các mục tiêu phát triển và (2) lấy con người làm trung tâm, các phương pháp tiếp cận có sự tham gia để phát triển. Phát triển xã hội là bao trùm, công bằng xã hội và lợi ích chung. Các chỉ số phát triển xã hội cung cấp thông tin so sánh về thu nhập, nghèo đói, việc làm, đảm bảo việc làm, giáo dục, y tế, tội phạm và sự tham gia của người dân.

Đôi khi danh sách chỉ số phát triển xã hội cũng bao gồm thông tin về môi trường. Richard Estes, một nhà đồng phát triển báo cáo xã hội của Hồng Kông, lưu ý rằng báo cáo bao gồm một chỉ mục con về chất lượng môi trường với các xếp hạng về tái chế chất thải rắn, bãi biển, không gian mở công cộng và tiêu thụ nước ngọt.

Trong giới hạn bài viết này, tác giả nghiên cứu sự tiến bộ về đời KT-XH đối với các cộng đồng người Chăm sinh sống tại bảy tỉnh của Việt Nam với các thiết chế xã hội với mục tiêu đạt được trình độ phát triển con người. Các tiêu chí đánh giá sự phát triển về đời sống KT-XH được xem xét là kinh tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ chăm sóc y tế, cơ sở hạ tầng, và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc phát triển KT-XH của người Chăm tại Việt Nam vào năm 2019 so với cách đây 10 năm.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu này là kế thừa số liệu đã thu thập được để phục vụ cho đề tài cấp Nhà nước của tác giả Phú Văn Hân (2020) với công trình nghiên cứu “*Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững ở dân tộc hiện nay*” mà tác giả đã tham gia với tư cách là một thành viên của đề tài với vai trò là người thu thập và xử lý số liệu và được phép sử dụng bộ số liệu này trong bài viết.

Nhóm tác giả tiến hành khảo sát bằng cách phỏng vấn trực tiếp với 2800 mẫu là những người đồng bào dân tộc Chăm sinh sống tại 7 tỉnh của Việt Nam với số lượng mẫu phân bố bao gồm Ninh Thuận (592 mẫu, chiếm 21.14% trên tổng số mẫu), Bình Thuận (496 mẫu, chiếm 17.71%), Phú Yên (473 mẫu, chiếm 16.89%), An Giang (438 mẫu, chiếm 15.64%), TP. Hồ Chí Minh (438 mẫu, chiếm 13.54%), Tây Ninh (325 mẫu, chiếm 11.61%), Bình Định (97 mẫu, chiếm 3.46%) với tỷ lệ mẫu cho từng tỉnh.

Các tiêu chí khảo sát dựa trên cơ sở sự phát triển KT-XH gồm Kinh tế, Giáo dục-đào tạo, Dịch vụ chăm sóc y tế, Cơ sở hạ tầng, và Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc phát triển KT-XH của đồng bào dân tộc Chăm sinh sống tại Việt Nam vào năm 2019 so với cách đây 10 năm.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tổng quan về dân tộc Chăm tại Việt Nam

4.1.1. Về dân số

Người Chăm được cho là cư dân bản địa ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam và đã có quá trình định cư lâu đời ở khu vực này, và phân bố rộng rãi ở khắp các tỉnh phía Nam Việt Nam và một số quốc gia khác. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Dân số người Chăm tại Việt Nam là 178.948 người (GSO, 2019), xếp thứ 14 về dân số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam (COSIS - GOS, 2019; GVP, 2016; Hậu Giang Portal,

2012. Dưới đây là dân số cả nước Việt Nam tại thời điểm ngày 01/04/2019, phân theo dân tộc (GSO, 2019). Tại thời điểm này dân số Việt Nam có 96.208.984 người, trong đó có 54 dân tộc và người nước ngoài cùng sinh sống (GSO, 2019).

4.1.2. Về nơi cư trú của người Chăm tại Việt Nam

Người Chăm sống rải rác ở các tỉnh phía Nam như Bình Định, Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang (COSIS - GOS, 2019),... Do đặc điểm cư trú, tính chất tôn giáo và sắc thái văn hóa mang tính vùng miền, người Chăm ở Việt Nam được chia thành 3 nhóm cộng đồng chính là: Chăm H'roi, Chăm Ninh Thuận - Bình Thuận và Chăm Nam Bộ (GVP, 2016).

Chăm H'roi (Chăm hời) bao gồm những người Chăm sống rải rác ở miền núi các tỉnh Gia Lai, Phú Yên, Bình Định, trong đó tập trung chủ yếu ở huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định và huyện Đồng Xuân, Sơn Hòa của tỉnh Phú Yên, với khoảng 33.000 người. Người Chăm Hroi có nguồn gốc từ những người Chăm cổ là một bộ phận của cộng đồng Chăm Việt Nam và từ lâu được gọi là Chăm Hroi. Người Chăm Hroi theo tín ngưỡng dân gian thờ đa thần và tổ tiên, ngày nay có số theo Tin lành đặc biệt là ở Gia Lai.

Chăm Panduranga hay Đông Chăm gồm những người Chăm cư trú ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, có tên gọi là Chăm Panduranga (Chăm Phan Rang); đây là nhóm cộng đồng Chăm lớn nhất chiếm khoảng 67,60% tổng số người Chăm ở Việt Nam. Người Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận có 2 nhóm chính phân theo tín ngưỡng là Chăm Ahiêr (Chăm ảnh hưởng Balamôn) và Chăm Awal (Chăm Bàni - Chăm ảnh hưởng Hồi giáo).

Chăm Nam Bộ hay còn gọi những tên khác nhau, như Tây Chăm, Cham Baraw, Cham Muslim, Jawa Ku bao gồm những người Chăm sinh sống chủ yếu ở các tỉnh/thành như An Giang, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai và nhiều tỉnh khác nhau tại miền Nam Việt Nam.

4.1.3. Về sinh hoạt kinh tế của người Chăm

Người Chăm là một dân tộc có nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời như thêu, dệt, làm đồ gốm, làm gạch, chế tạo công cụ sản xuất, buôn bán, đóng thuyền, đánh cá, điêu khắc... đặc biệt là nghề trồng lúa nước được người Chăm phát triển từ rất sớm và luôn có những cải tiến về giống và thủy lợi. Người Chăm sống ở đồng bằng, có truyền thống sản xuất lúa nước là chính. Kỹ thuật thâm canh lúa nước bằng các biện pháp giống, phân bón, thủy lợi khá thành thạo. Hai nghề thủ công nổi tiếng là đồ gốm và dệt vải sợi bông. Trước kia, người Chăm không trồng cây trong làng vì cho rằng cây sẽ là nơi cư trú của ma quỷ. Vì có nét sinh hoạt văn hóa đặc biệt nên làng Chăm Đa Phước thuộc

huyện An Phú cũng là địa điểm du lịch thu hút du khách đến xem kỹ thuật dệt thổ cẩm. Vải Chăm có mẫu mã đặc sắc khác hẳn những hàng dệt của sắc tộc khác. Cách thức dệt còn theo lối truyền thống trên khung cửi nhưng đến thế kỷ 21 thì nguyên liệu sợi và phẩm màu không còn sản xuất ở địa phương nữa mà là mua ở nơi khác mang về dệt.

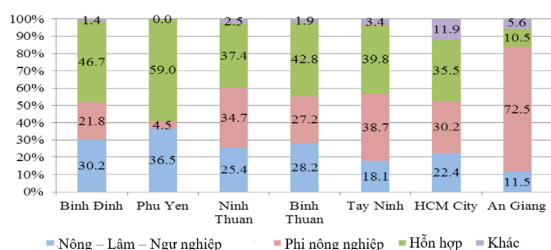
4.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội người Chăm tại Việt Nam

4.2.1. Về đời sống kinh tế

(i) Về nghề nghiệp sinh sống của người Chăm

Khảo sát cho thấy, các vùng cư trú lâu đời của người Chăm đều sinh sống trên các địa bàn 7 tỉnh chủ yếu là làm nông, lâm và ngư nghiệp, trong đó, tỉnh Phú Yên chiếm tỷ lệ cao nhất với 36.5% và hỗn hợp giữa nghề nông với nghề khác là 59.0%, kế đến là Bình Định tương ứng lần lượt là 30.2% nghề nông và 46.7% nghề hỗn hợp, Bình Thuận lần lượt là 28.2% và 42.8%, An Giang có tỷ lệ thấp nhất với 11.5% nghề nông và 10.5% nghề hỗn hợp, riêng TP. Hồ Chí Minh người Chăm chủ yếu tập trung sống khu vực ven ngoại ô nên tỷ lệ vẫn cao với 22.4% nghề nông và nghề hỗn hợp là 35.5%. Giải thích cho việc An Giang là tỉnh nông nghiệp nhưng người Chăm sinh sống ở đây chủ yếu làm nghề phi nông nghiệp như nghề gôm, dệt may truyền thống và buôn bán nhỏ (chiếm tỷ lệ đến 72.5%), là những nghề mà các tỉnh như Tây Ninh (38.7%), Ninh Thuận (34.7%), TP. Hồ Chí Minh (30.2%), Bình Thuận (27.2%) và Bình Định (21.8%) cũng chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu ngành nghề.

Ngoài trồng lúa nước, người Chăm trên những địa bàn này còn chăn nuôi gia súc, đánh cá trên biển, trên sông nước và trồng hoa màu. Ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, người Chăm vẫn còn làm nghề trồng bông vải giúp cho việc dệt vải truyền thống và một số hộ ở hai tỉnh này có tham gia trồng nho, trồng cây thanh là đặc sản của vùng. Ngoài ra, nhiều hộ gia đình ở Ninh Thuận có tham gia nghề trồng và bốc thuốc Nam.



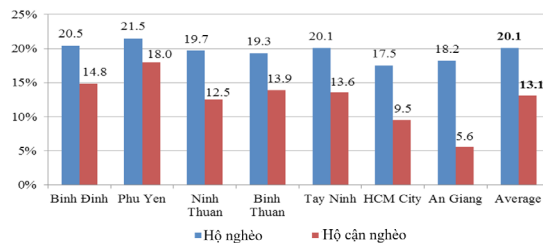
Hình 1. Nghề nghiệp của người Chăm ở Việt Nam
 Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

(ii) Về mức thu nhập bình quân

Khảo sát cho thấy mức thu nhập bình quân của người Chăm sinh sống tại các tỉnh Ninh Thuận và Phú Yên là thấp nhất với xấp xỉ gần 2 triệu đồng/tháng, thấp hơn mức thu nhập bình quân tương ứng của hai tỉnh này là 2.8 triệu và 3.1 triệu đồng/tháng; Khu vực Bình Định và Bình Thuận mức thu nhập bình quân của người Chăm là khoảng 2.5 triệu đồng/tháng, thấp hơn mức thu nhập bình quân tương ứng của hai tỉnh này là 3.4 triệu và 3.7 triệu đồng/tháng; Khu vực An Giang, Tây Ninh có mức thấp nhất bình quân khoảng 3.0 triệu đồng/tháng, thấp hơn mức thu nhập bình quân tương ứng của hai tỉnh này là 3.8 triệu và 4.5 triệu đồng/tháng; riêng khu vực TP. Hồ Chí Minh là vào khoảng 4.0 triệu đồng/tháng vẫn thấp hơn mức thu nhập bình quân của tỉnh này là 6.7 triệu đồng/tháng. Mức thu nhập bình quân của người Chăm sinh sống tại 7 tỉnh này đều thấp hơn mức bình quân của cả nước là 4.3 triệu đồng/tháng (Số liệu khảo sát của nhóm tác giả và GSO, 2019).

(iii) Về mức độ nghèo

Khảo sát cho thấy, số hộ nghèo người Chăm sinh sống tại 7 tỉnh là 20.1%, số hộ ở mức cận nghèo bình quân 7 tỉnh là 13.1% trên tổng số mẫu được khảo sát. Khi phân tích sâu cho từng địa phương cho thấy, số hộ ở mức nghèo người Chăm chiếm tỷ lệ cao nhất là tỉnh Phú Yên với 21.5%, kế đến là Bình Định với 20.5%, Tây Ninh với 20.1%, và tỉnh có tỷ lệ thấp nhất là TP. Hồ Chí Minh; Tỷ lệ số hộ người Chăm ở mức cận nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất vẫn là Phú Yên với 18.0%, kế đến Bình Định với 14.8%, Bình Thuận 13.9%, và tỉnh có tỷ lệ thấp nhất là An Giang với mức là 5.6%. Điều này hoàn toàn phù hợp với sự phát triển kinh tế của các tỉnh hiện nay. Tuy nhiên, TP. Hồ Chí Minh là tỉnh có sự phát triển cao nhất của cả nước nhưng số hộ nghèo ở mức khá cao là điều cần phải xem xét trong các chính sách phát triển kinh tế của người dân tộc, trong đó có người Chăm.

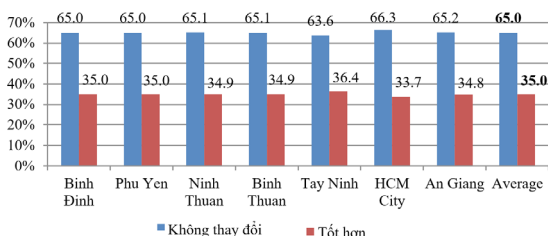


Hình 2. Tỷ lệ nghèo và cận nghèo của người Chăm ở Việt Nam

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

(iii) Về mức sống của người Chăm năm 2019 so với cách đây 10 năm (2008)

Khảo sát cho thấy, 35.0% trên tổng số người Chăm được phỏng vấn (2800 mẫu) cho rằng mức sống của họ hiện nay so với cách đây 10 năm là tốt hơn, 65.0% cho rằng không có sự thay đổi. Các mức kết quả khá đồng nhất giữa các tỉnh về sự thay đổi mức sống của tại bảy tỉnh được khảo sát. Như vậy, phần lớn người Chăm vẫn đánh giá rằng chưa có sự phát triển và cải thiện đáng kể trong mức sống của người Chăm trong 10 năm qua. Điều này đặt ra vấn đề cho những nhà làm chính sách tại các địa phương trên là cần có những chính sách mạnh mẽ để hỗ trợ người Chăm trong phát triển đời sống kinh tế của họ trong thời gian tới.



Hình 3. Mức sống của người Chăm ở Việt Nam năm 2019 so với năm 2008

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

4.2.2. Về đời sống xã hội

(i) Về giáo dục

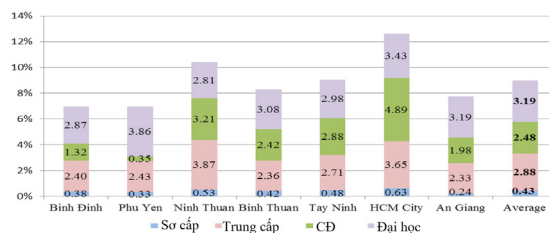
Tỷ lệ người Chăm biết đọc và biết viết tiếng Việt là 80.8%, tỷ lệ này xấp xỉ mức bình quân biết đọc và biết của 53 DTTS ở Việt Nam với 80.9%; Tỷ lệ học sinh đi học trong độ cho cả ba cấp học là 74.0%, trong đó, cấp tiểu học là 96.5%, cấp Phổ thông cơ sở (PTCS) là 77.9% và Phổ thông trung học (PTTH) là 47.7%, tỷ lệ này thấp hơn mức trung bình chung của 53 DTTS tại Việt Nam với các mức tương ứng là 96.9% của tiểu học, 81.6% của PTCS, nhưng cao hơn của PTTH với 47.0% (CEMA, 2019). Tỷ lệ học sinh lên đến cấp PTTH vẫn còn thấp, đây là vấn đề kinh tế xã hội lâu dài cho các người Chăm ở Việt Nam.

Khi so sánh với sự phát triển về giáo dục so với năm 2015, tỷ lệ người Chăm biết đọc và biết viết tiếng Việt năm 2019 tăng 1.1%; Tỷ lệ học sinh đi học trong độ cho cả ba cấp học năm 2019 cũng tăng 1.1%, trong đó, cấp tiểu học năm 2019 tăng 6.2%, cấp PTCS tăng 4.6% và PTTH tăng 5.9%. (CEMA, 2019, CEMA, 2015).

Trình độ chuyên môn của người Chăm, từ kết quả khảo sát tại 7 tỉnh ở Việt Nam cho thấy, tỷ lệ bình quân của người Chăm ở 7 tỉnh trong độ tuổi lao động có trình độ từ sơ cấp trở lên là 8.99%, trong đó, trình độ chuyên môn sơ cấp chiếm 0.43%, trung cấp chiếm 2.88%, cao đẳng là 2.48% và đại học là 3.19%. Số liệu này cho thấy, hai vấn đề bất

hợp lý trong đào tạo chuyên môn cho người dân tộc ở Việt Nam đó là số người có trình độ chuyên môn nghề nghiệp còn thấp (dưới 10%), vấn đề thứ hai là đào tạo đại học chiếm tỷ lệ khá cao trong khi người dân tộc thiểu số phần lớn là hướng nghiệp.

Phân tích sâu hơn cho từng tỉnh được khảo sát cho thấy, tỷ lệ người Chăm được đào tạo chuyên môn cao nhất là TP. Hồ Chí Minh (12.60%), tiếp theo là Ninh Thuận (10.42%), Tây Ninh (9.05%); các tỉnh còn lại có tỷ lệ đào tạo chuyên môn xấp xỉ nhau (khoảng 7%).

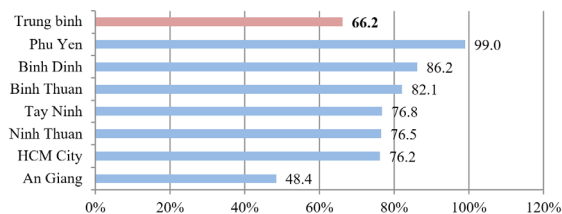


Hình 4. Trình độ học vấn của người Chăm ở Việt Nam

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

(ii) Về chăm sóc y tế

Từ kết quả khảo sát 7 tỉnh cho thấy, có khoảng 66.2% các hộ gia đình người Chăm có tham gia bảo hiểm y tế, trong đó, Phú Yên là tỉnh có các hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế cao nhất với 99.0% số hộ được khảo sát, kế đến là Bình Định với 86.2%, Bình Thuận với 82.1%. Tại các tỉnh còn lại, có mức tham gia bảo hiểm y tế đều trên 76%. Riêng An Giang là tỉnh có số hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế thấp nhất, chỉ 48.4%. Điều này có thể được giải thích là do chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm hoặc do các hộ ở đây tham gia kinh doanh nhỏ nên ít để ý đến việc tham gia bảo hiểm y tế cho gia đình.

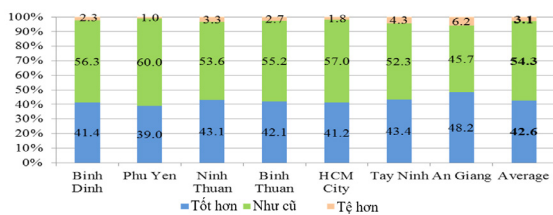


Hình 5. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm của người Chăm ở Việt Nam

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

Đánh giá về dịch vụ chăm sóc y tế tại địa phương so sánh năm 2019 với cách đây 10 năm, kết quả khảo sát người Chăm sinh sống tại 7 tỉnh của Việt Nam cho thấy, có 42.6% người Chăm cho rằng dịch vụ y tế tốt hơn trước đây, có đến 54.3%

cho rằng không có cải thiện và 3.1% cho rằng dịch vụ y tế kém hơn trước đây. Điều này cho thấy, nhìn chung người Chăm sinh sống tại 7 địa phương trên vẫn chưa hài lòng về dịch vụ chăm sóc y tế nơi họ sinh sống.

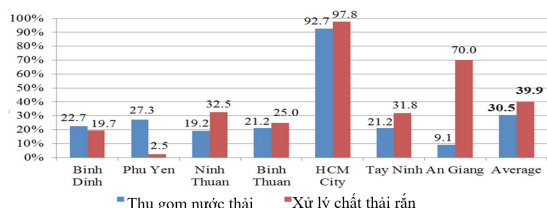


Hình 6. Dịch vụ chăm sóc y tế khu vực người Chăm năm 2019 so với năm 2008

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

(iii) Về cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng phục vụ sinh sống của người dân địa phương và khu vực sinh sống của người Chăm nói riêng bao gồm các yếu tố như trường học, đường giao thông, điện, nước sạch, hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý rác thải phục vụ cho đời sống xã hội.



Hình 7. Dịch vụ thu gom chất thải rắn và xử lý nước thải khu vực người Chăm

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

Về dịch vụ thu gom nước thải và xử lý rác thải sinh hoạt, mức độ đáp ứng trung bình của 7 tỉnh về có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt là 30.5%, có hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt là 39.9%. Đây là những mức đáp ứng thấp đối với đời sống dân cư của người Chăm ở Việt Nam. Khi phân tích sâu hơn cho thấy, chỉ có TP. Hồ Chí Minh là có hệ thống xử lý nước thải và chất thải sinh hoạt tốt với mức đáp ứng lần lượt là 92.7% và 97.8% vì đây là thành phố hiện đại nhất Việt Nam; An Giang có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt rất kém chỉ đáp ứng 9.1% nhu cầu nhưng hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt là khá tốt là 70.0%, điều này có thể là do tại An Giang có rất nhiều nhà máy sản xuất và chế biến cá xuất khẩu nên tỉnh đã tập trung cho việc xử lý rác thải nói chung; đối với 5 tỉnh được khảo sát còn lại chỉ đáp ứng mức dưới 27.3% về hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, và dưới 32.5% về thu gom và xử lý

rác thải sinh hoạt, cá biệt có Phú Yên, hầu như rác thải sinh hoạt của người Chăm chỉ xử lý bằng cách chôn hoặc đốt.

Đánh giá về hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống xã hội của người Chăm, theo kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng trung bình 7 tỉnh tại Việt Nam về cơ sở hạ tầng bao gồm về hệ thống đường đi lại là 68.1%, về dịch vụ cung cấp điện là 79.6%, dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt là 40.6% và hệ thống trường học là 68.9%. Điều này cho thấy vẫn còn hơn 1/3 số hộ người Chăm được khảo sát chưa hài lòng về hệ thống giao thông và cơ sở vật chất trường học, 1/5 số hộ chưa hài lòng dịch vụ cung cấp điện và có đến gần 3/5 số hộ chưa hài lòng về dịch vụ cung cấp nước sạch.

Khi phân tích sâu từng tỉnh, về hệ thống giao thông, tỉnh có mức đáp cao nhất là An Giang (78.0%), thấp nhất là Phú Yên (61.0%); về dịch vụ cung cấp điện, tỉnh có mức đáp ứng cao nhất là Phú Yên (94.5%) và thấp nhất là An Giang (59.9%); về dịch vụ cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, tỉnh có mức đáp ứng cao nhất là An Giang và tỉnh có mức đáp ứng thấp nhất là Phú Yên; về hệ thống trường học, tỉnh có mức đáp ứng cao nhất là An Giang (72.1%) và thấp nhất là TP. Hồ Chí Minh. Mức độ đáp ứng thấp nhất cho tất cả các tỉnh là về tiêu chuẩn dịch vụ cung cấp nước sạch.

Trong việc phân tích và đánh giá từ số liệu khảo sát thực tế có sự khác biệt trong nhận định về mức đáp ứng về các chỉ tiêu đánh giá tại TP. Hồ Chí Minh, một thành phố có mức sống cao và hiện đại, nhưng các chỉ số nước sạch và hệ thống trường không cao. Điều này có thể được giải thích là người Chăm sinh sống tại TP. Hồ Chí Minh thường sống thành cụm tại các quận nghèo và vùng ven của thành phố này. Riêng An Giang có mức độ đáp ứng dịch vụ cung cấp nước sạch và hệ thống trường học cao có thể là vì người Chăm tham gia vào việc sản xuất và chế biến thủy sản xuất khẩu tại tỉnh, một ngành có thể mạnh nhiều năm của An Giang.

Bảng 2. Mức độ đáp ứng về cơ sở hạ tầng đối với đời sống xã hội người Chăm
Đơn vị: Mức độ hài lòng (%)

Tỉnh	Đường giao thông	Dịch vụ cung cấp điện	Dịch vụ cấp nước sạch	Trường học
Bình Định	65.3%	85.7%	32.6%	69.6%
Phú Yên	61.0%	94.5%	18.4%	68.8%
Ninh Thuận	68.6%	79.1%	43.2%	70.3%
Bình Thuận	66.7%	83.0%	37.0%	69.9%
TP. Hồ Chí Minh	71.5%	73.5%	36.4%	65.2%

Tỉnh	Đường giao thông	Dịch vụ cung cấp điện	Dịch vụ cấp nước sạch	Trường học
Tây Ninh	65.3%	81.4%	42.6%	66.1%
An Giang	78.0%	59.9%	74.2%	72.1%
Average	68.1%	79.6%	40.6%	68.9%

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

Đánh giá mức độ đáp ứng của cơ sở hạ tầng, tỷ lệ bình quân các hộ dân người Chăm sinh sống tại 7 tỉnh tại Việt Nam cho rằng dịch vụ cung cấp điện năm 2019 tốt hơn so với cách đây 10 năm là 36.8%, dịch vụ cung cấp nước sạch là 29.4%, cơ sở hạ tầng trường học là 46.3%, dịch vụ thu gom nước thải sinh hoạt là 23.4%, và dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt là 22.9%. Số liệu thống kê cho thấy, có ít sự cải tiến dẫn đến sự hài lòng về cơ sở hạ tầng phục vụ cho đời sống của người Chăm tại Việt Nam trong 10 năm qua, đặc biệt là đối với dịch vụ xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt. Riêng Phú Yên có mức đáp ứng rất thấp đối với dịch vụ xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt; TP. Hồ Chí Minh cũng có mức đánh thấp đối với cả hai loại hình dịch vụ này.

Bảng 3. Mức độ đáp ứng về cơ sở hạ tầng cho người Chăm năm 2019 so với năm 2008

Đơn vị: Mức độ đáp ứng (%)

Tỉnh	Dịch vụ cung cấp điện	Dịch vụ cấp nước sạch	Trường học	Thu gom nước thải	Xử lý chất thải rắn
Bình Định	35.8%	24.5%	44.8%	17.4%	14.3%
Phú Yên	33.5%	16.2%	42.6%	12.3%	8.2%
Ninh Thuận	37.6%	30.8%	46.5%	24.2%	23.6%
Bình Thuận	36.6%	27.1%	45.5%	20.2%	18.2%
TP. Hồ Chí Minh	36.4%	27.6%	46.2%	22.9%	21.7%
Tây Ninh	35.2%	30.3%	47.2%	22.4%	23.4%
An Giang	42.7%	49.1%	51.4%	44.1%	50.5%
Average	36.8%	29.4%	46.3%	23.4%	22.9%

Nguồn. Nhóm tác giả khảo sát từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019

5. Thảo luận

5.1. Về chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với người Chăm

Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều chương trình về KT-XH về xóa đói giảm nghèo và hỗ trợ cho các DTTS sinh sống tại Việt Nam, trong

đó có người Chăm. Những chương trình và đề án đó đã và đang giúp cải thiện đáng kể đời sống KT-XH cho 53 DTTS sinh sống tại Việt Nam, cụ thể như: Chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa còn gọi là Chương trình 135 giai đoạn I (Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg); Chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2006-2010 còn gọi là Chương trình 135 giai đoạn II (Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, còn gọi là Chương trình 135 giai đoạn III (Quyết định số 1722/QĐ-TTg); Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn (Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg); Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (Quyết định số 30a/2008/NQ-CP); Chỉ thị của Thủ tướng về Đẩy mạnh phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh, trật tự đối với đồng bào Chăm trong tình hình mới (Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg); Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 1640/QĐ-TTg, 2011); Quyết định của Bộ GD&ĐT về Tiếp tục thực hiện đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn II 2016-2020 (Quyết định số 1719/QĐ-BGDĐT, 2016)... Tuy nhiên, khi triển khai vào thực tế cuộc sống, các chính sách này vẫn còn nhiều vướng mắc. Nội dung thực hiện của các chính sách có nhiều chồng chéo, trùng lặp, vừa thiếu đồng bộ.

5.2. Về cơ sở hạ tầng

Hạ tầng cơ sở là yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế của các cộng đồng, trong đó có cộng đồng người Chăm ở Việt Nam. Để phát triển cơ sở hạ tầng ở các cộng đồng người dân tộc nói chung và cộng đồng người Chăm nói riêng, thời gian tới, Chính phủ và chính quyền địa phương nơi cộng đồng người Chăm cư ngụ cần triển khai nhiều chương trình bê tông hóa các đường làng, xây dựng các hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cũng như cần xây dựng thêm nhiều trường học và cơ sở y tế đạt chuẩn giúp các cộng đồng người Chăm kết nối dễ dàng với bệnh viện, trường học, cơ sở y tế cũng như các khu công nghiệp sản xuất để giúp phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các cộng đồng người Chăm sinh sống tại Việt Nam.

5.3. Về phát triển nguồn nhân lực trong cộng đồng người Chăm

Việc phát triển một lực lượng lao động đầy đủ tham gia vào quá trình sản xuất là một yếu tố quan trọng giúp cho các cộng đồng người dân tộc phát triển được kinh tế gia đình... Chính phủ và chính quyền địa phương nơi các cộng đồng người dân tộc sinh sống cần xây dựng và thiết kế các chương trình

đào tạo hướng về các nghề nghiệp mà người dân tộc có kỹ năng như dệt, thêu, đan, làm đồ gốm, trồng trọt, chăn nuôi có chú trọng đến tập quán để làm cơ sở cho việc phát triển nghề nghiệp cũng như phát triển kinh tế cộng đồng. Các chương trình phát triển nhân lực cho các cộng đồng phải gắn với sản xuất đủ quy mô và thị trường tiêu thụ sản phẩm của họ.

5.4. Về phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

Kết nối thị trường với các sản phẩm sản xuất từ các cộng đồng người Chăm là rất quan trọng và là chiến lược sinh kế đối với các hộ gia đình. Trên thực tế, tại các địa phương, có nhiều chợ đã được xây dựng nhưng chưa hiệu quả. Do đó, việc Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân, Hiệp hội du lịch địa phương và các phòng thương mại địa phương nên là những đầu mối giúp kết nối sản phẩm của người Chăm vào các chợ, các cửa hàng, các siêu thị của địa phương và của các tỉnh khác cũng như là đầu mối để xuất khẩu các sản phẩm làng nghề đặc thù của cộng đồng, nhờ đó tạo được chuỗi cung ứng và hình thành liên kết thị trường để giúp phát triển kinh tế cộng đồng. Cần có các kênh thông tin về sản lượng, giá cả, yêu cầu về chất lượng để những hộ gia đình người Chăm nắm bắt và đáp ứng các yêu cầu đó khi xây dựng thị trường tiêu thụ. Ngoài ra, cần có các chính sách hỗ trợ về tài chính để các hộ kinh doanh trong cộng đồng có thể tiếp cận các khoản vay cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

5.5. Tiếp cận các sáng kiến hỗ trợ bên ngoài

Các sáng kiến hỗ trợ bên ngoài là những hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế các cộng đồng dân tộc từ các tổ chức và chính phủ nước ngoài. Các sáng kiến hỗ trợ này trong suốt nhiều năm qua đã mang lại những kết quả quan trọng về nhiều mặt của mức sống cho người dân tộc thiểu số. Đáng chú ý nhất là sự cải thiện về kết nối vật chất, khả năng tiếp cận các dịch vụ công (giáo dục và y tế), điều kiện nhà ở và các tiện ích công cộng (điện, nước uống) ở nhiều vùng DTTS, kể cả các xã nghèo nhất và vùng sâu, vùng xa; nhóm nghiên cứu đã đến thăm nhiều khu vực trong số này.

Các sáng kiến đầu tư cho hỗ trợ sản xuất, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, những thử nghiệm khác nhau cây trồng và vật nuôi, bao gồm cả các loại cây

trồng mới và các phương thức sản xuất cải tiến đã giúp nhiều người dân tộc thoát nghèo và phát triển kinh tế gia đình.

Một lĩnh vực hỗ trợ bên ngoài quan trọng là cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho người nghèo và các cộng đồng DTTS. Một số chính sách tín dụng được triển khai, cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội là kênh tiếp cận tín dụng chủ yếu đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Ở mức độ cấp tỉnh, hơn 30 tỉnh đã thể chế hóa một số thủ tục lập kế hoạch phát triển KT-XH có sự tham gia của người dân nhờ các dự án hỗ trợ của các nhà tài trợ như Ngân hàng Thế giới qua các chương trình của Chính phủ để hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt, phát triển làng nghề tại các địa phương. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả các sang kiến bên ngoài, cần xây dựng một quy hoạch tổng thể cũng như xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế dựa vào đặc điểm của từng địa phương, cộng đồng thì mới có thể thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong từng cộng đồng người Chăm ở từng địa phương khác nhau.

6. Kết luận

Những năm qua, thực hiện các chính sách về phát triển KT-XH vùng đồng bào Chăm, các tỉnh có cộng đồng người Chăm sinh sống đã triển khai kịp thời các chính sách, tập trung các nguồn lực Trung ương và địa phương, đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH, hỗ trợ phát triển sản xuất đã mang lại hiệu quả thiết thực. Nhờ đó, kinh tế hộ gia đình và kinh tế cộng đồng của người Chăm cũng có nhiều bước phát triển. Tuy nhiên, sự phát triển KT-XH này vẫn còn những hạn chế nhất định và đời sống của một số cộng đồng người Chăm tại những địa phương được khảo sát vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng mức độ phát triển chung của địa phương cũng như của cả nước. Thời gian tới, Chính phủ, chính quyền địa phương và cộng đồng người Chăm tại các địa phương cần thiết phải có những hoạt động nhằm phát triển KT-XH của cộng đồng, giúp các cộng đồng người Chăm đạt được sự phát triển đồng bộ với sự phát triển chung của địa phương và cả nước. Bài viết này, tác giả khảo sát thực tế và kế thừa những giải pháp của các nghiên cứu trước đây, từ đó đề xuất giải pháp cho sự phát triển KT-XH của cộng đồng người Chăm khu vực nghiên cứu.

phát triển bền vững ở dân tộc hiện nay.

Nam, L. H. (2019). *Chuyển đổi KT-XH đồng bào dân tộc Chăm tại Ninh Thuận – Bình Thuận*. Luận án tiến sĩ.

Thủ tướng Chính phủ. (1998). *Chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135 giai đoạn I)*. Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998.

Tài liệu tham khảo

Chukwka, & Benedict, A. (2000). Poverty and Social Development in Africa. In B. Laabas (Ed.), *Building and Sustaining the Capacity for Social Policy Reforms* (pp. 47–87). Aldershot, England: Ashgate.

Công thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc. (2009). *Người Chăm*.

Hần, P. V. (2020). *Một số vấn đề cơ bản trong*

- Thủ tướng Chính phủ. (2004a). *Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn*. Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004.
- Thủ tướng Chính phủ. (2004b). *Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự đối với đồng bào Chăm trong tình hình mới*. Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg.
- Thủ tướng Chính phủ. (2006). *Chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II)*. Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006.
- Thủ tướng Chính phủ. (2008). *Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*. Quyết định số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008.
- Thủ tướng Chính phủ. (2009). *Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*. Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016a). *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*. Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016b). *Phê duyệt các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020*. Quyết định số 2085/QĐ-TTg.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025*. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.
- Tổng cục Thống kê (GSO). (2019). *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số 2019*.
- Ủy ban Dân tộc (CEMA). (2015). *Kết quả Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 DTTS năm 2015*.
- Ủy ban Dân tộc (CEMA). (2019). *Kết quả Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 DTTS năm 2019*.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC CHĂM Ở VIỆT NAM

Phạm Xuân Thu^a
Phú Văn Hân^b, Nguyễn Duy Dũng^c

^a Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

Email: phamxuanthu@gmail.com

^b Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

Email: phuvanhan@gmail.com

^c Học viện Dân tộc

Email: dungnd@hvd.edu.vn

Nhận bài: 27/7/2023; Phản biện: 14/8/2023; Tác giả sửa: 16/8/2023; Duyệt đăng: 25/8/2023; Phát hành: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/200>

Bài viết này tiến hành nghiên cứu về sự phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Chăm tại Việt Nam với việc khảo sát đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Chăm năm 2019 và so sánh với đời sống kinh tế - xã hội của họ cách đây 10 năm. Việc phân tích và đánh giá được thực hiện từ kết quả phỏng vấn trực tiếp 2800 mẫu là những người đồng bào dân tộc Chăm sinh sống tại 7 tỉnh của Việt Nam, với các tiêu chí đánh giá sự phát triển như kinh tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ chăm sóc y tế, cơ sở hạ tầng và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng người Chăm tại Việt Nam vào năm 2019 so với cách đây 10 năm (2008).

Theo kết quả phân tích và đánh giá cho thấy, hiện trạng đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc Chăm tại Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn (theo từng tiêu chí), tuy nhiên, so với cách đây 10 năm, thì có sự phát triển về mặt kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Chăm. Qua quan sát thực tế, cùng với việc đúc kết về sự phát triển kinh tế - xã hội cho các cộng đồng cư dân, tác giả cũng gợi ý một số đề xuất nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc Chăm sinh sống tại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Đồng bào dân tộc Chăm; Kinh tế - xã hội; Việt Nam.